

Quyết định số: 10/2023/HS-GĐT

Ngày 14 tháng 9 năm 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

- Thành phần Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao gồm có:

Phó Chánh án - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trí Tuệ.

Các thành viên Hội đồng giám đốc thẩm: Ông Lê Văn Minh, ông Nguyễn Văn Dũng, ông Nguyễn Biên Thùy và ông Nguyễn Hồng Nam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tối cao.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao tham gia phiên tòa: Ông Lại Viết Quang - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

Ngày 14 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tối cao mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án về phần dân sự trong vụ án hình sự đối với:

1. Nguyên đơn dân sự:

1.1. Bà Vũ Thị D, sinh năm 1935; trú tại: Số nhà 5, ngõ 332 phố H, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

1.2. Chị Lương Thị Kim O, sinh năm 1956; trú tại: Số 438B Trương Đ, phường Tân M, quận Hoàng M, thành phố Hà Nội;

1.3. Chị Lương Thị Kim Y, sinh năm 1958; trú tại: Số 479 Minh K, phường Vĩnh T, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

1.4. Chị Lương Thị L, sinh năm 1960; trú tại: 308-3150 Golden Orchard Dr., MISSISSAUGA, ON, L4Y3T7, Canada;

1.5. Chị Lương Ngọc H, sinh năm 1962; trú tại: Số 72 Lò Đ, phường Phạm Đình H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

1.6. Chị Lương Thanh H1, sinh năm 1967; trú tại: Số 58 Đoàn Thị Đ, quận Đống Đ, thành phố Hà Nội;

1.7. Chị Lương Thanh H2, sinh năm 1969; trú tại: Số 5, Ngõ 332, phố H, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

1.8. Anh Lương Mạnh T, sinh năm 1971; trú tại: Số 5, Ngõ 332, phố H,

phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

1.9. Anh Lương Mạnh T1, sinh năm 1974; trú tại: Số 5, Ngõ 332, phố H, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

1.10. Anh Lương Mạnh Tuấn A, sinh năm 1976; trú tại: Matsxcova, Liên Bang Nga;

Bà D và các anh (chị) T, T1, Tuấn A, Y, L, H, H1 và H2 đều ủy quyền cho chị Lương Thị Kim O.

2. Bị đơn dân sự:

Bị án Nguyễn Hoài N, sinh năm 1962; đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Số 1, Tập thể Bờ S, (Tập thể Bộ Giáo D), Ngõ 67 Phố Vọng H, phường Chương D, quận Hoàn K, thành phố Hà Nội; nghề nghiệp: Nguyên giám đốc Công ty TNHH Đầu tư và sản xuất Nam A; trình độ văn hóa: Lớp 10/10; con ông Nguyễn Trọng N1 (đã chết) và bà Trần Thị Kim P; hiện đang chấp hành án tại Trại giam Ngọc L – Bộ Công an.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam

Trụ sở chính: Số 2 Láng H, phường Thành C, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội;

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Anh T2 - Giám đốc Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Hoàng M, thành phố Hà Nội;

3.2. Anh Nguyễn Hồng L1, sinh năm 1976; trú tại: Số 39 phố 8/3, phường Minh K, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội;

3.3. Văn phòng công chứng số 9 thành phố Hà Nội; địa chỉ: xã Quang M, huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hữu H3 - Trưởng văn phòng;

3.4. Ông Nguyễn Ngọc L2 - Công chứng viên Văn phòng công chứng số 9; trú tại: Tổ 3, thị trấn Chi Đ, huyện Mê L, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ tại hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH Đầu tư và sản xuất Nam A (gọi tắt là Công ty Nam A) được thành lập năm 2005, người đại diện theo pháp luật là Nguyễn Hoài N - Giám đốc Công ty. Công ty hoạt động kinh doanh đa ngành nghề trong đó tập trung hoạt động kinh doanh bến bãi, văn phòng, kho hàng phục vụ ngành xăng dầu và gas (LPG); kinh doanh gas, kho chứa gas, chiết nạp gas (LPG) và các sản phẩm gas dân dụng và công nghiệp.

Ngày 10/4/2009, bà Vũ Thị D cùng con gái là chị Lương Thị Kim O ký Hợp đồng ủy quyền số 447/HĐUQ/2009/quyền số 01/2009/TP/SCC/HĐGD ủy quyền

cho anh Nguyễn Hồng L1 trong thời hạn 03 năm kể từ ngày ký, được toàn quyền cho thuê, chuyển nhượng, mua bán, trao đổi, thế chấp đối với căn nhà số 5 ngõ 332, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội.

Ngày 27/4/2009, anh Nguyễn Hồng L1 ký hợp đồng thế chấp, số công chứng 529 quyền số 01/TP-CC-SCC/HĐGDDS, thế chấp quyền sở hữu nhà đất tại số 5 ngõ 332, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội để cho Công ty Nam A vay vốn tại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh Hoàng M (gọi tắt là Agribank Hoàng M), thời hạn bảo lãnh 3 năm kể từ ngày ký. Theo đó, ngân hàng và Công ty Nam A đã ký hợp đồng tín dụng số 1240LAV200900364/HĐTD ngày 27/4/2009 và hợp đồng tín dụng số 1240LAV201000259/HĐTD, hai hợp đồng này đều đã tất toán.

Ngày 28/7/2011, Công ty Nam A ký Hợp đồng tín dụng số 1240LAV201000259/HĐTD vay Agribank Hoàng M số tiền 12 tỷ đồng, thời hạn vay 12 tháng, tài sản bảo đảm là quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất căn nhà số 5 ngõ 332, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội theo hợp đồng thế chấp số công chứng 529 quyền số 01/TP-CC-SCC/HĐGDDS ngày 27/4/2009 (lúc này hợp đồng ủy quyền của bà Vũ Thị D và chị Lương Thị Kim O cho anh Nguyễn Hồng L1 còn thời hạn 9 tháng).

Thời điểm này, theo báo cáo tài chính Công ty Nam A nộp tại Chi cục Thuế quận Cầu G, thành phố Hà Nội xác định: Từ năm 2008 đến năm 2010, Công ty Nam A liên tiếp báo lỗ. Để hoàn thiện hồ sơ vay tiền, N chỉ đạo Kế toán trưởng là Nguyễn Thị Hồng Y1 chỉnh sửa báo cáo tài chính thành kinh doanh có lãi; lập khống phương án kinh doanh khí hóa lỏng năm 2011 và 2012; ký khống các hóa đơn, chứng từ... thể hiện việc mua bán khí hóa lỏng với Công ty Việt T và Công ty Kim N để hợp thức hóa hồ sơ khống vay vốn Agribank Hoàng M.

Trên cơ sở hợp đồng tín dụng, Agribank Hoàng M đã giải ngân cho Công ty Nam A như sau: Ngày 28/7/2011, giải ngân 6.100.000.000 đồng (số tiền này đã tất toán); Ngày 29/7/2011, giải ngân 5.900.000.000 đồng (số tiền này đã tất toán); Ngày 28/10/2011, giải ngân 3.000.000.000 đồng (hiện còn dư nợ); Ngày 01/11/2011, giải ngân 5.000.000.000 đồng (hiện còn dư nợ); Ngày 03/11/2011, giải ngân 4.000.000.000 đồng (hiện còn dư nợ).

Để được Agribank Hoàng M giải ngân ngày 28/10/2011 với số tiền 3.000.000.000 đồng, N đã lập khống các chứng từ, tài liệu thể hiện việc mua khí hóa lỏng của Công ty Việt T. Ngày 28/10/2011, Agribank Hoàng M đã giải ngân số tiền 3.000.000.000 đồng vào tài khoản số 1260202007638 của Công ty Việt T mở tại Agribank Chi nhánh Hồng H. Ngày 28/10/2011, L1 ký séc rút 3.000.000.000 đồng tại Agribank Chi nhánh Hồng H để đưa cho N, N khai đã sử dụng hết vào mục đích cá nhân.

Đối với lần giải ngân ngày 01/11/2011 với số tiền 5.000.000.000 đồng và giải ngân ngày 03/11/2011 với số tiền 4.000.000.000 đồng, N đã lập không các chứng từ, hóa đơn mua khí hóa lỏng của Công ty Kim N. Ngày 01/11/2011, Agribank Hoàng M đã giải ngân số tiền 5.000.000.000 đồng và ngày 03/11/2011 đã giải ngân số tiền 4.000.000.000 đồng vào tài khoản số 1483201004313 của Công ty Kim N mở tại Agribank Chi nhánh Thủ Đ. Ngay sau đó bà Trần Thanh H4 - Giám đốc Công ty Kim N đã ký rút tiền đưa cho Lê Mạnh T3 (nhân viên Công ty Nam A). N chỉ đạo Phòng Kế toán và T3 đưa tiền cho bà Lê Thị Mai A1 (là người có quan hệ làm ăn bên ngoài với N), việc đưa tiền không có giấy tờ biên nhận.

Khoản vay tại Agribank Hoàng M đã quá hạn, dư nợ đến ngày 21/10/2015 là 10.638.000.000 đồng tiền gốc và 9.400.000.000 đồng tiền lãi; sau đó Công ty Nam A trả thêm được 56.000.000 đồng tiền gốc, dư nợ gốc còn lại là 10.582.000.000 đồng và 9.400.000.000 đồng tiền lãi.

Về tình trạng tài sản và khả năng trả nợ của Công ty Nam A: Tài sản của Công ty Nam A gồm: Quyền thuê đất, tài sản cố định là Nhà máy và vỏ bình gas tại thôn Cách T, xã Nam S, huyện An D, thành phố Hải Phòng và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) kèm tài sản trên đất của vợ chồng N tại nhà 57 Lô B khu 7,2 ha phường Vĩnh P, quận Ba Đ, thành phố Hà Nội đều đang thế chấp cho khoản vay hơn 70.000.000.000 đồng tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á – Chi nhánh Hai Bà T nên N không thể bán hoặc xử lý các tài sản này để trả nợ Agribank Hoàng M; Công ty Nam A liên tục thua lỗ nên N không có khả năng để trả nợ cho khoản vay của Công ty Nam A tại Agribank Hoàng M.

Tại cơ quan điều tra N khai nhận: Thực tế giữa Công ty Nam A với Công ty Việt T và Công ty Kim N không có hoạt động mua bán khí hóa lỏng, tất cả hồ sơ mua bán khí hóa lỏng và các hóa đơn chứng từ kèm theo đều do N lập không để hợp thức hồ sơ vay tiền của Agribank Hoàng M. Mục đích N vay tiền là để mua hàng khí hóa lỏng bên ngoài, không khai báo thuế.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 428/2017/HSST ngày 29/12/2017, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã áp dụng điểm a khoản 4 Điều 139; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt Nguyễn Hoài N 19 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; tuyên các bị cáo Nguyễn Xuân T4, Hồ Huy H5, Nguyễn Việt H6 phạm tội “Vi phạm quy định về cho vay trong hoạt động của các tổ chức tín dụng”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc Nguyễn Hoài N phải trả lại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 10.582.000.000 đồng. Tuyên Hợp đồng thế chấp số 529 ngày 27/4/2009, bên thế chấp là bà Vũ Thị D và bà Lương

Thị Kim O do ông Nguyễn Hồng L1 đại diện ký với bên nhận thế chấp là Agribank Hoàng M, bên vay là Công ty Nam A tiếp tục có hiệu lực.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 453/2018/HSPT ngày 12/7/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy bản án sơ thẩm về phần quyết định tuyên Hợp đồng thế chấp nêu trên tiếp tục có hiệu lực để xét xử sơ thẩm lại.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 427/2018/HSST ngày 12/11/2018, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Buộc Nguyễn Hoài N phải trả lại cho Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 10.582.000.000 đồng. Xác định hợp đồng thế chấp nêu trên tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 468/2019/HSPT ngày 19/8/2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã quyết định hủy Bản án sơ thẩm số 427/2018/HSST ngày 12/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội để xét xử lại ở cấp sơ thẩm với thành phần Hội đồng xét xử mới (do có Hội thẩm đã tham gia xét xử sơ thẩm ngày 29/12/2017 lại tham gia Hội đồng xét xử sơ thẩm ngày 12/11/2018).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2019/HSST ngày 04/11/2019, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Buộc Nguyễn Hoài N trả lại Ngân hàng Nông Nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số tiền 10.582.000.000 đồng. Xác định Hợp đồng thế chấp nêu trên tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/11/2019, nguyên đơn dân sự là chị Lương Thị Kim O có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hình sự sơ thẩm số 347/2019/HSST.

Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 169/2021/HSPT ngày 22/4/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã không chấp nhận kháng cáo của chị Lương Thị Kim O, giữ nguyên án sơ thẩm.

Tại Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/QĐ-VKSTC-V7 ngày 19/5/2022, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao kháng nghị Bản án hình sự phúc thẩm số 169/2021/HSPT ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội; đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm hủy Bản án hình sự phúc thẩm nêu trên để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tối cao đề nghị Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về mối quan hệ giữa bà Vũ Thị D, chị Lương Thị Kim O và anh Nguyễn Hồng L1:

Theo lời khai của bà Vũ Thị D, chị Lương Thị Kim O, anh Nguyễn Hồng L1

và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định: Việc bà Vũ Thị D và chị Lương Thị Kim O ký hợp đồng ủy quyền thế chấp nhà đất số 5 ngõ 332, phường Phố H cho anh Nguyễn Hồng L1 là nhằm mục đích vay tiền. Cụ thể, chị O có mối quan hệ kinh doanh cùng với chị Lê Thị Mai A1 (Phó Giám đốc Công ty Nam A), Nguyễn Hồng L1 (Kế toán trưởng Công ty). Do chị O có nhu cầu vay tiền nên sau khi các bên thống nhất, ngày 10/4/2009, chị O và bà D đã ký hợp đồng ủy quyền cho anh Nguyễn Hồng L1 được quyền đứng ra sử dụng nhà đất trên thế chấp cho Ngân hàng; đến ngày 14/5/2009, Công ty Nam A (người đại diện là chị Mai A1, người được ủy quyền là anh L1) đã lập hợp đồng cho chị O, bà D vay số tiền 5.000.000.000 đồng, trong đó có điều khoản xác định, hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng ủy quyền nêu trên. Như vậy, có thể xác định, việc bà D, chị O ủy quyền cho anh L1 là để đảm bảo cho khoản vay của chị O. Lời khai của bà Vũ Thị D cũng thừa nhận, do con gái là chị Lê Thị Kim O cần vốn để làm ăn nên bà tin tưởng con gái và đồng ý sử dụng nhà đất, ủy quyền cho người khác thế chấp vay tiền Ngân hàng.

[2] Về Hợp đồng ủy quyền giữa bà Vũ Thị D, chị Lương Thị Kim O và anh Nguyễn Hồng L1 lập ngày 10/4/2009:

Đối tượng ủy quyền của Hợp đồng này là quyền được chuyển nhượng, mua bán, trao đổi, thế chấp đối với 139,9 m² đất và tài sản gắn liền trên đất tọa lạc tại Nhà số 5 ngõ 332, phường Phố H, quận Hai Bà T, thành phố Hà Nội do UBND thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất ngày 15/8/2000.

Về tài sản được ủy quyền: Theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà và quyền sử dụng đất, đăng ký trước bạ thừa kế ngày 28/12/2000 (do chồng bà D là ông Lương Văn S đã chết), tài sản này có ½ thuộc quyền sở hữu của bà Vũ Thị D, ½ còn lại thuộc quyền sở hữu chung của bà D và 09 người con (trong đó có chị Lương Thị Kim O).

Hợp đồng ủy quyền nêu trên xác định, bà Vũ Thị D là người đại diện, được sự ủy quyền của 08 người con còn lại đối với phần tài sản của họ. Cụ thể, ngày 24/11/1999, chị Lương Thị L ký giấy ủy quyền cho bà D toàn quyền quyết định sử dụng, mua bán, thế chấp; ngày 02/10/2000, các anh chị Lương Thanh H2, Lương Mạnh T1 ký giấy ủy quyền cho bà D toàn quyền quyết định sử dụng, mua bán, thế chấp; ngày 20/3/2000, các anh chị Lương Thị Kim Y, Lương Ngọc H, Lương Thanh H1, Lương Mạnh Tuấn A ký giấy đồng ý ủy quyền cho bà Vũ Thị D được bán. Như vậy, tại thời điểm ký kết hợp đồng ủy quyền, có 01 người con của bà D là anh Lương Mạnh T chưa có ủy quyền cho bà D. Tuy nhiên, ngày 13/4/2009, anh

Lương Mạnh T đã ký hợp đồng ủy quyền cho bà D thay mặt anh được thế chấp, góp vốn, chuyển nhượng, tặng cho phần tài sản thừa kế của mình. Như vậy, mặc dù tại thời điểm bà D và chị O ký hợp đồng ủy quyền cho anh L1 thì anh Lương Mạnh T chưa ủy quyền cho bà Vũ Thị D thay mặt anh được thế chấp, góp vốn, chuyển nhượng, tặng cho nhưng sau đó anh T đã biết sự việc và đồng ý, thể hiện ở việc đã làm thủ tục ủy quyền cho bà D. Do đó, cần xác định việc bà D, chị O ký hợp đồng ủy quyền cho anh Nguyễn Hồng L1 là đại diện cho ý chí của tất cả các đồng sở hữu; hợp đồng ủy quyền nêu trên được xác lập dựa trên ý chí tự nguyện của các bên nên có hiệu lực pháp luật.

[3] Về hợp đồng thế chấp ngày 27/4/2009:

Căn cứ Hợp đồng ủy quyền nêu trên, ngày 27/4/2009, anh Nguyễn Hồng L1 đã ký hợp đồng thế chấp nhà đất số 5 ngõ 332 phường Phố H để cho Công ty Nam A vay vốn tại Agribank chi nhánh Hoàng M, thời hạn bảo lãnh là 03 năm. Sau đó, Công ty Nam A đã được Agribank giải ngân và hiện còn dư nợ gốc là 10.532.000.000 đồng. Theo lời khai của anh Nguyễn Việt H6 – cán bộ tín dụng Agribank Hoàng M đã trực tiếp thẩm định, giải ngân và theo dõi sau cho vay đối với khoản vay của Công ty Nam A, sau khi tiếp nhận hồ sơ, anh H6 đã gặp trực tiếp bà Vũ Thị D để xác minh lại việc ủy quyền cho anh L1, đồng thời thông báo cho bà D biết việc anh L1 sử dụng nhà đất để bảo lãnh cho Công ty Nam A vay vốn tại Agribank Hoàng M, bà D đồng ý (BL 232); anh H6 cũng trực tiếp làm việc với bà D và chị O để xác định tình trạng tài sản có khớp đúng với nội dung trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không, xác định có hay không việc ủy quyền cho anh L1 (BL220). Sau khi ký hợp đồng thế chấp, bên thế chấp là anh Nguyễn Hồng L1 và bên nhận thế chấp là Agribank Hoàng M đã đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký nhà đất thành phố Hà Nội.

Mặt khác, như đã phân tích nêu trên, ngày 10/4/2009, gia đình chị O ký ủy quyền cho anh L1; ngày 27/4/2009, anh L1 ký thế chấp cho Ngân hàng Agribank Hoàng M; ngày 14/5/2009, bà D, chị O ký hợp đồng vay của Công ty Nam A 5.000.000.000 đồng có mặt của người được ủy quyền là anh L1. Như vậy, có căn cứ để xác định, việc chị O và bà D sử dụng nhà đất số 5 ngõ 332 phường Phố H để vay số tiền 5.000.000.000 đồng đều được các thành viên trong gia đình đồng ý cho thế chấp nhà, đất để đảm bảo cho khoản vay. Việc ủy quyền cho anh L1 và sau đó anh L1 tiến hành các thủ tục để được Ngân hàng giải ngân tiền chỉ là hình thức; bà D, chị O và các đồng sở hữu khác (đặc biệt là bà D, người sở hữu hơn ½ giá trị nhà đất) biết rõ rủi ro sẽ gặp phải khi ủy quyền định đoạt (bao gồm thế chấp) cho anh L1 nhưng vẫn tiến hành xác lập ủy quyền và giao bản gốc Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất cho anh L1 nên việc Tòa án các cấp xác định Hợp đồng thế chấp tiếp tục có hiệu lực là đúng bản chất sự việc, phù hợp với ý chí của các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 382; khoản 1 Điều 388; Điều 389 Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm số 07/QĐ-VKSTC-V7 ngày 19/5/2022 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao;

2. Giữ nguyên Bản án hình sự phúc thẩm số 169/2021/HSPT ngày 22/4/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDTC (để b/c);
- VKSNDTC - Vụ 7;
- TANDCC, VKSNDCC tại Hà Nội;
- Công an, VKSND, TAND TP Hà Nội;
- Cục THADS TP Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, Vụ GDKT1 (3b), TKyPCA, Vụ PC&QLKH, VP (TANDTC).

**TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN
PHÓ CHÁNH ÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Trí Tuệ